

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà La Thị L, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: Số A1 ấp HB, xã ĐH, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 19XX (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T1, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2022 của nguyên đơn là bà La Thị L và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn La Thị L và bị đơn là ông Lê Văn T quen biết và có tình cảm với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 17 tháng 4 năm 2015. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên nguyên đơn L yêu cầu ly hôn với bị đơn Lê Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn La Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Bị đơn ông Lê Văn T: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà La Thị L tại Thông báo thụ lý vụ án số: 15/TB-TLVA, ngày 26 tháng 01 năm 2022 và đã tổng đạt hợp lệ cho ông Lê Văn T, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Lê Văn T đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà L và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17 tháng 01 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn La Thị L lập ngày 17 tháng 01 năm 2022 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn L nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn L và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 17 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Lê Văn T, sinh năm 19xx có địa chỉ tại ấp T1, xã HDK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án

theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Lê Văn T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn T. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà La Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà L và ông T cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc bên nhau từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 01 năm 2018. Tuy nhiên, đến đầu năm 2018 hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Đến tháng 01 năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và tại phiên tòa bà L kiên quyết ly hôn với ông T. Như vậy, bà L và ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L ly hôn với ông T.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị L.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà L là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà La Thị L và ông Lê Văn T.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà La Thị L tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà La Thị L phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002987 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã ĐH, H. Kế Sách, TST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ